

Bản án số: **143/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-11-2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 716/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường H, Tổ A, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tự M, sinh năm 1965; địa chỉ: Đường H, Tổ A, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 8 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Tự M kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 1984 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà L và ông M chung sống với nhau tại tỉnh Thanh Hóa được một thời gian thì chuyển vào tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Khoảng 14 năm nay, bà L và ông M phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M không chăm sóc, lo lắng, quan tâm gia đình. Ông M chơi lô đề, cờ bạc gây nợ nần cho vợ con. Bà L đã nhiều lần khuyên can nhưng ông M vẫn chứng nào tật ấy, nợ nần ngày càng nhiều. Tình cảm vợ chồng từ đó cũng phai nhạt dần. Hiện nay, bà L

và ông M đã không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tự M.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông M có 03 con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986; Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Tự Đ, sinh năm 1992; các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Tự M trình bày tại Bản tự khai đề ngày 01 tháng 11 năm 2018:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tự M đồng ý ly hôn theo đơn của bà Lê Thị L.

Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986; Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Tự Đ, sinh năm 1992; các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Tự M có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đề ngày 01/11/2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu: Về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Tự M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 1984 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hôn nhân hợp pháp. Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và ông Nguyễn Tự M có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại: Đường H, Tổ A, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 01/11/2018, bị đơn ông Nguyễn Tự M có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Tự M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 11 năm 1984 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Bà L và ông M đều xác định giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay, ông M và bà L đã không còn sống chung nhà với nhau, không quan tâm, chăm sóc thương yêu lẫn nhau. Vì vậy, bà L có đơn yêu cầu được ly hôn với ông M do không còn tình cảm vợ chồng, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc đã không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về việc xin ly hôn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Tự M không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa và có bản tự khai trình bày ý kiến gửi Tòa án xác định ông M đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của bà L. Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Nguyễn Tự M không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Do đó, nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Tự M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và theo hướng dẫn tại Mục 8, nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.2] Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986; Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Tự Đ, sinh năm 1992; các con chung đều đã trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 203, 266, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Tự M về việc Ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Tự M. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 53/1984, ngày 26 tháng 11 năm 1984 của UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Điều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị L nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí do bà L đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022605 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục thi hành án dân sự TP T;
- Các đương sự;
- UBND xã T, h. T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phong